

CÔNG TY CP DƯỢC
MEDIPHARCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO
NĂM 2018

✚ Mã chứng khoán: MTP

✚ Địa chỉ trụ sở chính: 8 Nguyễn Trường Tô, P.Phước Vĩnh, TP. Huế.

✚ Điện thoại: 0234 -3822701 Fax: 0234 -3826077

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

HUẾ, NGÀY 15/03/2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng kí lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006*
- Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**
- *Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN*
- Địa chỉ: *Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế.*
- Điện thoại : (84) 0234.3832814, 3823099, 3827215
- FAX : (84) 0234.3826077
- E-mail : mediphar@dng.vnn.vn
- Website www.medipharco.com/ www.medipharco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có: MTP)

a. Quá trình hình thành và phát triển.

✦ **Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)**

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế.

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT.Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế.



Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Niêm yết: trên sàn UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Hà nội - Mã giao dịch MTP

✦ Các sự kiện khác:

Trong năm 2017:

- + Thay đổi Tên gọi của doanh nghiệp:
 - Tên cũ: Công ty cổ phần dược Trung ương Medipharco Tenamyd
 - Tên gọi mới: Công ty cổ phần dược Medipharco

Trong năm 2018:

- Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2018 đã phê duyệt:
 - + Thoái Vốn đầu tư tại Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd: Thực hiện xong
 - + 24/8/2018: Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu Số lượng 1.000.000 cổ phiếu; Đăng kí thay đổi Doanh nghiệp với Vốn Điều lệ tăng sau khi phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu là 39.983.670.000 ĐVN
 - Tháng 9/2018: Chuyển nhượng một phần vốn góp của Medipharco tại CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l , giảm từ sở hữu 60% xuống 48% Vốn điều lệ của Liên doanh và CTCP dược Medipharco không còn là Công ty Mẹ của công ty Con (Liên doanh) theo Luật Doanh nghiệp
 - T11/2018: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường đã phê duyệt Phương án - Hợp đồng sáp nhập Cổ phiếu của CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco;
 - + Thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại công văn số 8476/UBCK-QLCP
 - + Hoàn thành ngày 28/12/2108
 - + Đăng kí thay đổi giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội với số lượng chứng khoán là 6.598.367 cổ phiếu



- + Nhận Bàn giao Tài sản- Nhân sự từ CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco theo Hợp đồng sáp nhập: Hoàn tất ngày 31/12/2018
- Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận Doanh nghiệp sau khi sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco và được Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**; **Thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi sáp nhập**

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. **Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy đăng kí kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2019 như sau:**

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất các loại thuốc; Thực phẩm chức năng; Sản xuất các sản phẩm y tế	2100
2	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
3	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng đế Minh Mạng	2825
4	Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu Hoàng đế Minh Mạng	5630
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm y tế	4669
6	Đầu tư tài chính	
7	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	

b. Địa bàn kinh doanh:

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

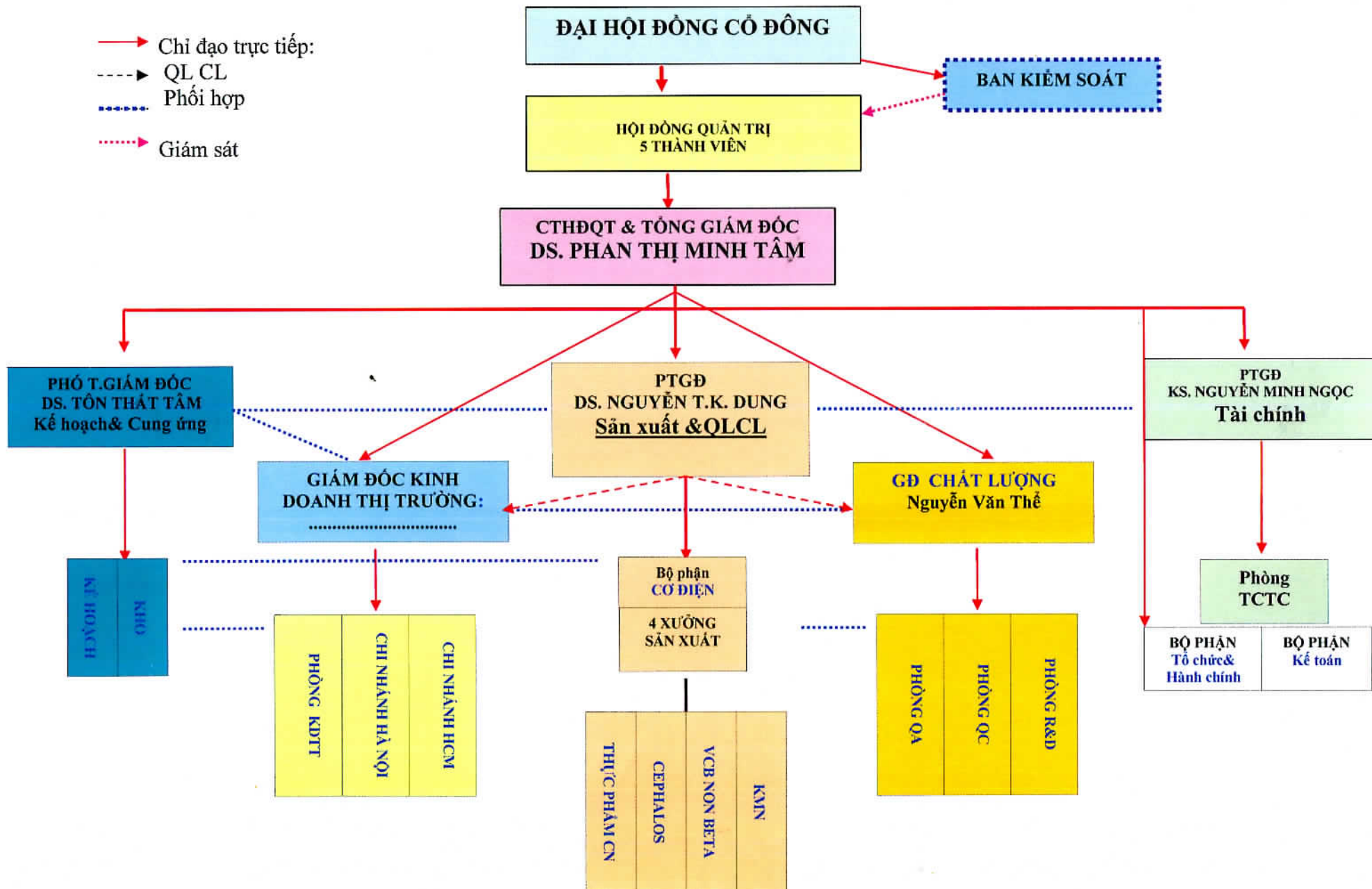
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

✦ Sơ đồ tổ chức của công ty: Từ tháng 1/1/2019 thay đổi như sau:

0140
IG T
AN D
PHA
THUA

1.1/ SƠ ĐỒ TỔNG THỂ TỔ CHỨC NHÂN SỰ TỪ NGÀY 1/1/2019 ĐẾN 2020



✦ **Mô hình quản trị:**

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Gồm có 05 người (04 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người.
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Ban Tổng giám đốc Công ty có giám từ 04 thành viên còn 3 thành viên

✦ **Cơ cấu Công ty gồm:**

- + Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch, Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển (R&D), Kiểm tra chất lượng(QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- + Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy sản xuất thực phẩm chức năng đạt tiêu chuẩn ATTP

b. **Các công ty con, công ty liên kết/** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

- Công ty Con: Đến ngày 28/9/201, CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyl BR s.r.l không còn là công ty Con của CTCP dược Medipharco
- Công ty Liên kết: Không còn!

4. Định hướng phát triển năm 2019:

a. **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- ✦ Tiếp tục củng cố hệ thống Sản xuất Kinh doanh đã cơ cấu lại trong giai đoạn 2017-2018 và sau khi sáp nhập Liên doanh vào Medipharco; Tập trung mọi nguồn lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tạo bước chuyển đổi căn bản về doanh thu & lợi nhuận; Xây dựng chiến lược thị trường, nâng cao năng lực, mở rộng & củng cố Hệ thống mạng lưới kinh doanh phân phối trên toàn quốc và tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Bảo đảm chỉ tiêu Lợi nhuận năm 2019 tăng trưởng 20% so với Lợi nhuận năm 2018; Cổ tức tại Medipharco đạt tối thiểu $\geq 10\%$.
- ✦ Ổn định Giá và Chính sách bán hàng nhóm sản phẩm sản xuất; Nghiên cứu tăng năng suất lao động, giảm tiêu hao, áp dụng công nghệ tiên tiến, lựa chọn đánh giá nhà cung cấp nguyên phụ liệu tối ưu ... để hạ giá thành sản xuất, bảo đảm cạnh tranh trên thị trường
- ✦ Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền; Hợp



tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á...

- ✚ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp theo chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam ; Xây dựng và phát triển thương hiệu Doanh nghiệp
- ✚ Tiếp tục duy trì Phương án hợp tác SX-KD với tập đoàn Tenamyd – “ Đối tác Chiến lược và lâu dài” . Xây dựng các giải pháp hữu hiệu để xử lý từng bước các bất cập- Tồn tại Chủ quan và Khách quan; Tạo bước chuyển đổi căn bản trong sản xuất , kinh doanh của doanh nghiệp

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✚ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
- ✚ Nghiên cứu lựa chọn phương án sản phẩm để tập trung đầu tư hoàn chỉnh , nâng cấp chất lượng Nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP-WHO (Up date)
- ✚ Xây dựng & củng cố Hệ thống mạng lưới kinh doanh phân phối trọng điểm tại Thành phố Hà nội- Hồ Chí Minh và tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á...

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- ✚ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc- mỹ phẩm- Thực phẩm chức năng , góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
- ✚ Xây dựng và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp

d. Kế hoạch năm 2019:

✚ Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2019:

TT	Diễn Giải	Đơn vị	TH 2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng			
1	Doanh thu sản xuất	Tỷ đồng	96,84	180	
2	Doanh thu kinh doanh	Tỷ đồng	990	900	
II	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	16,984	Theo Luật	
III	Lợi nhuận:				
1	Trước thuế	Tỷ đồng	10,081	12,5	
2	Sau thuế	Tỷ đồng	8,318	10	
IV	Cổ tức	%		10%	
V	Lao động theo định biên(Mẹ& Con)	Người	320	300	Lao động thực tế kí HĐ: 206
VI	Lương bình quân	Tr/ng/tháng	6,2	≥ 2018	Theo LĐ định biên
VII	Thu nhập bình quân		7,2	≥ 2018	Theo LĐ thực tế

➤ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2019:

▪ **Phương án và Giải pháp xử lý Giá 2019:**

- Giữ và ổn định Giá thành , Giá bán như hiện tại (2018) với các giải pháp đồng bộ.
- **Tìm mọi PA để tăng thêm SPQĐ như sau:**
 - ✓ Nhóm SP mở tra mắt – Gel uống- Thuốc bột- Cephalos- TPCN.
 - ✓ Nhanh chóng Phát triển thêm sản phẩm mới .

▪ **Giải pháp kinh doanh bán hàng :**

- Bộ nhiệm GDKD; Quy định chức năng- Nhiệm vụ- Quyền hạn chi tiết để quản lí điều hành toàn bộ hệ thống kinh doanh của công ty có hiệu quả
- GDKD xây dựng và ban hành các Phương án- Giải pháp kinh doanh- phát triển thị trường chi tiết
- Tập trung mọi nguồn lực (Nhân lực- Chi phí) để NC chiến lược SP mới để có doanh thu & Lợi nhuận; NC nhóm SP có thể dự thầu tại các khu vực
- Tại TT Huế: Xây dựng & Ban hành lại Chi tiết về Nhân sự- Phương án khoán DS-. Tập trung phát triển nhóm hàng kinh doanh nội địa theo phương thức giao P.KDĐT phối hợp CNHN-HCM chịu trách nhiệm dự trữ- tìm nhà cung cấp- Thương thảo hợp đồng và quản lí bán hàng trực tiếp không qua P.KD; Tiếp tục Phối hợp các đơn vị thực hiện PA cơ cấu tổ chức lại hệ thống NT-QT trực thuộc tạ TTH
- Tăng cường hợp tác chặt chẽ với các Nhà SXBT và mở rộng thị trường Xuất khẩu
- Xem xét Đầu tư phần cứng (Máy tính- TB đo nhiệt độ- độ ẩm) & Phần mềm (online) cho HT kinh doanh theo quy định mới tại 3 khu vực theo từng bước; Trước mắt cài đặt triển khai tại Chuỗi Nhà thuốc/ P.KDĐT

▪ **Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới 2019 :**

- Là ưu tiên số 1 để giải quyết tăng tổng sản phẩm- Doanh thu sản xuất - Lợi nhuận!
- Xem xét tuyển dụng Nhân sự nghiên cứu thông qua khoán sản phẩm, sàng lọc để tuyển được nhân sự có kĩ năng- tâm huyết- trình độ ngoại ngữ - chịu được áp lực công việc đáp ứng nhu cầu và tiến độ nghiên cứu, hợp tác!
- Chấn chỉnh nhân sự Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới , khoán số lượng sản phẩm và hồ sơ cho nhân viên gắn với chế độ Lương/thưởng; Đánh giá lại các nhân viên bộ phận liên quan NC-PTSP- Làm HSDK- nếu năng lực không đáp ứng thì tìm nhân sự thay thế.

▪ **Công tác Tài chính Kế toán:**

- Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 theo quy định
- Hợp nhất báo cáo tài chính đã kiểm toán 2018 sau khi sáp nhập để công bố thông tin
- Tiếp nhận toàn bộ Tài sản, Hàng hóa của Liên doanh bàn giao sáp nhập có đến ngày 31/12/2018

0010
 ĐƠN
 PHÁP
 EDI
 E-T

- Kí kết hợp đồng tín dụng 2019 tại các ngân hàng; Theo dõi chặt chẽ để thực hiện các điều kiện và phương án thế chấp tài sản/ công nợ/ Tồn kho hàng hóa của từng ngân hàng tại 3 khu vực nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu SX-KD và hợp tác năm 2019
 - Hợp nhất phần mềm quản lý hàng hóa- Xuất- Nhập theo 1 pháp nhân Medipharco từ ngày 1/1/2019.
 - Phân đầu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2019 để bảo đảm cổ tức sau khi vốn điều lệ đã tăng lên sau sáp nhập
- **Nhân sự - Tiền Lương:**
- Ban hành Sơ đồ tổ chức sau khi sáp nhập Liên doanh vào Medipharco: Phụ lục đính kèm!
 - Bổ nhiệm cán bộ quản lý theo Sơ đồ tổ chức; Kiện toàn các Hội đồng chuyên môn sau sáp nhập doanh nghiệp
 - Hoàn tất hồ sơ nhân sự sau sáp nhập, Kí lại Hợp đồng lao động và đăng kí đóng BHXH cho NLĐ tại LD sau sáp nhập
 - **Cơ cấu lại lao động 2019 :**
 - Tạm thời để số Lao động của 2 khối Sản xuất- Kinh doanh hiện có tại 31/12/2018
 - Khối SX: Cơ cấu lại tỷ lệ giữa LĐSX trực tiếp và Gián tiếp cho phù hợp
 - Khối KD:
 - ✓ Càn tập trung tuyển NVTT trực tiếp tại KV CNHCM; Cơ cấu lại tỷ lệ lao động KD trực tiếp/Gián tiếp cho phù hợp.
 - ✓ Tuyển dụng thêm NV nghiên cứu để đáp ứng công tác phát triển SP mới
 - Xây dựng& Ban hành& Đăng kí Thang bảng Lương đăng kí đóng BHXH áp dụng từ ngày 1/1/2019 theo quy định hiện hành
- **Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty:**
- HĐQT, Ban TGD, Ban CHĐU, BCHCĐ tiếp tục phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ đã ban hành theo nghị định 60/2013/NĐ-CP ngày 19/06/2013 của Chính phủ.
 - Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương.
- **Thực hiện các báo cáo năm 2018 và năm 2019 theo quy định của Công ty lưu ký chứng khoán; Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019**
- **Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2019**

5. **Các rủi ro:**

- ✚ Các thay đổi về Nghị định- Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế; Quy định về Bảo hiểm y tế sẽ tác động đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của đơn vị - đặc biệt liên quan chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường của doanh nghiệp, làm tăng suất đầu tư và giảm lợi nhuận

1406
GT
IN DU
PHAR
CHUA

- ⚡ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng (Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước...) tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

⚡ Trong năm 2018, Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:

- Một số văn bản của nhà nước, các Bộ ngành đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, gây nhiều áp lực đối với doanh nghiệp trong đăng ký thuốc tham gia đấu thầu và cung ứng thuốc trúng thầu; Sự can thiệp của các cơ quan BHXH liên quan Giá trúng thầu/ Giá mặt bằng chung, Hồ sơ kê khai giá trên trang WEB của Cục QLD.....
- Nhiều mặt hàng sản xuất của Liên doanh hết số đăng ký kéo dài, ảnh hưởng đến việc kinh doanh và đấu thầu thuốc.
- Trong năm 2018 các chi phí đầu vào tăng (lương của người lao động điều chỉnh tăng, giá điện nước tăng...), làm tăng giá thành sản phẩm, dẫn đến giảm hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

⚡ Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:

- Thương hiệu của Công ty ngày càng được khẳng định và phát triển trên thị trường.
- Công ty sử dụng đồng bộ các cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đầu tư, đạt các chuẩn GPs, người lao động luôn được Công ty đào tạo bổ sung kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường, phân phối thuốc của doanh nghiệp.
- Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty.

⚡ Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Ban Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kì 3 (2015-2020).

Tuy nhiên, các khó khăn tồn tại khách quan trong năm 2018 cũng như nhiều năm qua làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của doanh nghiệp!

Cụ thể:

- ❖ Doanh số bán ra năm 2018 đạt 990 tỷ đồng, đạt 104 % so với kế hoạch năm.
- ❖ Lợi nhuận năm 2018: Đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2018

- Trước thuế	:	10,081,081,791	ĐVN
- Sau thuế	:	8,318,739,893	ĐVN



⚡ Những thay đổi chủ yếu trong năm :

- Thoái Vốn đầu tư tại Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd.
- Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu_ Số lượng 1.000.000 cổ phiếu;
- Chuyển nhượng một phần vốn góp của Medipharco tại CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l , giảm sở hữu xuống 48% Vốn điều lệ của Liên doanh và CTCP dược Medipharco không còn là Công ty Mẹ của công ty Con (Liên doanh) theo Luật Doanh nghiệp
- Thực hiện Phương án - Hợp đồng sáp nhập Cổ phiếu của CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco; Thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu của công ty bị sáp nhập; Tiếp nhận Tài sản- Nhân sự từ CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco theo Hợp đồng sáp nhập.
- Thay đổi Giấy chứng nhận Doanh nghiệp sau khi sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco và được Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Vốn điều lệ: 65.983.670.000 VNĐ; Thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi sáp nhập; Thay đổi Điều lệ hoạt động.

⚡ Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện Năm 2018	So sánh thực hiện/KH
	1	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.135	950	990	104%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	7,341	10	10,081	100%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.253,6	1,53	1,76	
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:	.			0	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	6,087	8	8,318	104%

- Tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu ổn định qua các năm. Tuy nhiên Doanh thu hàng hóa sản xuất năm 2018 tại Liên Doanh chỉ đạt 50 % kế hoạch năm
- Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 136%

2. Tổ chức và nhân sự.

- a. Danh sách Ban điều hành/ (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

⚡ *Danh sách ban điều hành:*

❖ Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III Công ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 03 thành viên trực tiếp điều hành công ty Mẹ và 02 tham gia quản lý điều hành Công ty liên doanh
- Năm 2018 , có 01 thành viên HĐQT xin miễn nhiệm và đã bầu bổ sung thay thế 01; Cụ thể hiện tại danh sách HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Liên doanh	
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - TP.KDĐT	
5	Bùi Tường Nhật	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)	Xin từ chức tại ĐHĐCĐTN 23/4/2018
	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)	Được ĐHĐCĐTN 23/4/18 bầu bổ sung

❖ Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III Công ty CP Dược Medipharco bầu ra.
- Năm 2018 ,có 01 thành viên BKS xin từ chức và 01 thành viên BKS miễn nhiệm (Theo quy định mới về điều kiện) ; Đã bầu bổ sung thay thế 02; Cụ thể hiện tại danh sách Ban kiểm soát như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng ban Kiểm soát - Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	
	Bà: Nguyễn Thị Thanh Yên	Thành viên BKS - Phó Trưởng phòng TCTC	Miễn nhiệm

	Ông: Lã Thành Lê	Thành viên Ban KS	Từ chức!
2	Nguyễn Văn Thế	Giám đốc chất lượng	Được ĐHĐCTN 23/4/18 bầu bổ sung
3	Trần Duy Minh	Giám đốc chi nhánh Hà nội	Được ĐHĐCTN 23/4/18 bầu bổ sung

↓ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên	Phan Thị Minh Tâm
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/07/1956
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMTND	191508810 ngày cấp: 21/9/1999
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Vang, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	054 3823 768
Điện thoại di động	0913425280
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học - CKI
Trình độ lý luận	Cử nhân Chính trị
Quá trình công tác	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
Từ năm 01/2006 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Liên doanh Dược phẩm MEDIPHARCO TENAMYD BR s.r.l- Nhiệm kỳ II(2017-2022)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	85.403 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	399 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- Thành viên Hội đồng quản trị _ Tổng giám đốc công ty Con (Công ty Liên doanh):

Họ và tên	Nguyễn Thị Kim Dung
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	06/09/1965
Nơi sinh	Quảng Ninh
Số CMTND	190813705 ngày cấp 14/3/2005
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Điền Hải, Phong Điền, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	2/176 Phan Chu Trinh, Huế
Điện thoại liên lạc c/quan	054 3822 704
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học
Trình độ lý luận	Cao cấp chính trị
Quá trình công tác	
- 1987 – 1985	Công ty dược phẩm Thành phố Huế
- 1995 – 1998	Xí nghiệp Liên hiệp Dược Thừa Thiên Huế
- 1998 – 2001	Đại học Dược, trường Đại học Y Huế
- 2001- 2003	Trưởng phòng Marketing -XNK - Công ty Dược Trung ương Huế
- 2003 – 2005	Đảng ủy viên, Chủ tịch Công đoàn, Phó giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
- 2006 – 23/4/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO, Đảng ủy viên.
- 23/4/2017 đến nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO, Phó Tổng giám đốc ,Bí thư Đảng bộ,
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	158.382 cổ phiếu
Được ủy quyền đại diện	600.444 cổ phiếu (của Tổng Công ty dược Việt nam-CTCP)
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vũ Hoài Anh - con ruột	22.606 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Nguyễn Minh Ngọc
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/02/1961
Nơi sinh	Hà Tây
Số CMTND	190080606 ngày cấp 30/8/2010
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hương Trà, Thừa Thiên – Huế
Địa chỉ thường trú	180A Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc c/quan	054 3822 701
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	Sơ cấp chính trị
Quá trình công tác:	
- 1984 – 1989	Phòng Kế hoạch Công ty Dược Thừa Thiên Huế
- 1989 – 2005	Phòng Kế toán Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
- 2005 - 2012	Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kế toán Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
- 2012 đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tài chính, kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược Trung ương MEDIPHARCO
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO; Phó Tổng Giám đốc Tài chính, Kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	239.128 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ CP: Lê Thị Thu – Vợ	20.014 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- TVHĐQT kiêm Phó TGD:

Họ và tên	Tôn Thất Tâm
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15/11/1964
Nơi sinh	Huế
Số CMTND	190885640 ngày cấp 08/11/2005
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

<i>Quê quán</i>	<i>Phú Thượng – Phú Vang – Huế</i>
<i>Địa chỉ thường trú</i>	<i>6 Quốc Sĩ Quán, thành phố Huế</i>
<i>Điện thoại liên lạc cơ quan</i>	<i>054 3823099</i>
<i>Trình độ văn hóa</i>	<i>12/12</i>
<i>Trình độ chuyên môn</i>	<i>Dược sỹ đại học</i>
<i>Trình độ lý luận</i>	<i>Sơ cấp chính trị</i>
Quá trình công tác	
<i>07/1987 – 1990</i>	<i>Kiểm soát viên Tổng kho Xí nghiệp Liên hợp Dược Bình Trị Thiên</i>
<i>1990 – 1992</i>	<i>Phó trưởng kho Tổng kho Xí nghiệp Liên hợp Dược Thừa Thiên Huế</i>
<i>1992 – 1993</i>	<i>Phó Hiệu thuốc chuyên doanh Xí nghiệp Liên hợp Dược Thừa Thiên Huế</i>
<i>1993 – 10/1998</i>	<i>Phó Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Dược phẩm Thừa Thiên Huế</i>
<i>10/1998 – 1//2006</i>	<i>Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Dược Trung ương Huế</i>
<i>1/2006 – 4/8/2011</i>	<i>Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kinh doanh – Thị trường Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO</i>
<i>4/8/2011 – 23/4/2017</i>	<i>Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh – Thị trường Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO</i>
<i>23/4/2017- Nay</i>	<i>Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch cung ứng, Chủ tịch Công Đoàn Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO</i>
<i>Chức vụ công tác hiện nay</i>	<i>Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm CT Trưởng phòng Kế hoạch cung ứng, Chủ tịch Công Đoàn Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO</i>
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	<i>Không</i>
<i>Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân</i>	<i>45.953 cổ phiếu</i>
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</i>	<i>Không</i>

TVHĐQT:

<i>Họ và tên</i>	<i>Nguyễn Văn Hoàng</i>
<i>Giới tính</i>	<i>Nam</i>
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	<i>20/10/1974</i>
<i>Nơi sinh</i>	<i>Thanh hóa</i>
<i>Số CMTND</i>	<i>012402681 ngày cấp 22/04/2011 Nơi cấp : Công an Hà nội</i>
<i>Quốc tịch</i>	<i>Việt nam</i>
<i>Dân tộc</i>	<i>Kinh</i>

<i>Quê quán</i>	<i>Thanh hóa</i>
<i>Địa chỉ thường trú</i>	Phòng 2402 nhà CT1B , chung cư Nam đô , số 609 Trương Định, Phường Thịnh liệt, Quận Hoàng mai, Hà nội
<i>Điện thoại liên lạc cơ quan</i>	0902252729
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
<i>Trình độ lý luận</i>	<i>Sơ cấp</i>
1997 - 2009	Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc
2011 - 2015	Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm
2015 - nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội ,
2012 - T12/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l
<i>Từ 23/4/2018- Nay</i>	<i>Thành viên HĐQT Medipharco</i>
<i>Chức vụ công tác hiện nay</i>	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội <i>Thành viên HĐQT Medipharco</i>
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	<i>Không</i>
<i>Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân</i>	1.001.059 cổ phiếu
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</i>	<i>Không</i>

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2018		31/12/ 2018	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
A	<u>Hội đồng quản trị</u>					
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	64.054	2,13	85.403	1,29
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	43.788	1,46	158.382	2,4
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	29.347	0,98	239.128	3,62
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên	34.466	1,15	45.953	0,70

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2018		31/12/ 2018	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	795	0,026	1.001.059	15,17
B	<u>Ban Kiểm soát:</u>					
1	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng Ban	15.011	0,5%	553.334	8,39
2	Trần Duy Minh	Thành viên	12.618	0,42	116.823	1,77
3	Nguyễn Văn Thế	Thành viên	12.564	0,42	16.751	0,25

✚ **Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không có!**

✚ **Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc:**

STT	Họ tên ban Tổng Giám đốc	Chức danh	Thu nhập cá nhân (Tiền lương & Thưởng)	Lợi ích khác (Thù lao HĐQT & Thưởng 2018)
1	Phan Thị Minh Tâm	Tổng Giám đốc	425.734.000	116.000.000
3	Nguyễn Thị Kim Dung (lương quản lý tại C/ty Liên doanh)	Tổng Giám đốc/Liên doanh	380.894.000	60.000.000
4	Tôn Thất Tâm	Phó Tổng Giám đốc từ 4/8/2011	330.683.700	60.000.000
5	Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc từ 4/8/2011	372.031.700	60.000.000

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

✚ **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

- Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III Công ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 03 thành viên trực tiếp điều hành công ty Mẹ và 02 tham gia quản lý điều hành Công ty liên doanh. Năm 2018, có 01 thành viên HĐQT xin miễn nhiệm và đã bầu bổ sung thay thế 01;
- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III Công ty CP Dược Medipharco bầu ra. Năm 2018, có 01 thành viên

BKS xin từ chức và 01 thành viên BKS miễn nhiệm (Theo quy định mới về điều kiện) ; Đã bầu bổ sung thay thế 02

• **Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng :**

- Các thành viên không thay đổi so với 2017 gồm:

✓ Bà Phan Thị Minh Tâm: Tổng giám đốc:

✓ Các phó tổng giám đốc:

+ Ông Tôn Thất Tâm – Phó Tổng giám đốc cung ứng vật tư

+ Ông Nguyễn Minh Ngọc – Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Thành viên thay đổi so với 2017: Bà Nguyễn Thị Kim Dung: Nguyên Tổng giám đốc tại Liên doanh được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Medipharco sau khi sáp nhập

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

✚ Số lượng cán bộ công nhân viên lao động:

❖ Tổng số lao động có đến 31/12/2018: 206 người

❖ Các hình thức hợp đồng hiện tại:

- Cán bộ lãnh đạo : 04 người
- Hợp đồng không xác định thời hạn : 145 người
- Hợp đồng có thời hạn : 23 người
- Hợp đồng Khoán gọn (Nghỉ hưu ký lại HĐ) : 27 người

❖ Cơ cấu lao động

- Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh : 137 người
- Lao động phục vụ : 41 người
- Lao động quản lý : 21 người

❖ Phân lại chất lượng lao động:

- Trên đại học : 02 người

Trong đó:

- Thạc sĩ : 01 người
- DS CKI : 01 người

- Cán bộ có trình độ đại học : 69 người

Trong đó:

- Đại học dược : 32 người
- Đại học khác : 37 người
- ✓ Đại học khối kinh tế : 25 người
- ✓ Đại học khối kỹ thuật : 10 người
- ✓ Đại học ngoại ngữ : 01 người
- ✓ Công nghệ thông tin : 01 người

- Cán bộ trung học,cao đẳng : 94 người

Trong đó:

- Cao đẳng : 6 người
- Trung học dược : 84 người
- Trung học khác: 04 người
- **Công nhân kỹ thuật và sơ cấp dược : 34 người**

Trong đó:

- Sơ cấp dược : 15 người
- Công nhân KT Dược-TBYT : 03 người
- Công nhân dược : 16 người

✦ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định. Thu nhập bình quân năm 2018 là 7,2 tr đ/ người/ tháng.
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLĐ.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**a) Các khoản đầu tư lớn:**

Phối hợp & Giám sát công ty Con (Liên doanh) đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất Mỡ Mắt vô trùng, Mua sắm công cụ lao động với tổng giá trị 3,17 tỷ đồng từ nguồn vốn vay trung hạn của ngân hàng và vốn của Liên doanh

b) **Các công ty con, công ty liên kết** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết: Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2018, CTCP Medipharco không còn công ty Con và Công ty Liên kết!

4. Tình hình tài chính:**a) Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/ %
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
<i>Tổng giá trị tài sản/Total asset</i>	618 799 566 705	466 613 521 772	-24.59%
<i>Doanh thu thuần/Net revenue</i>	1131 483 701 896	987 818 070 805	-12.70%
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities</i>	7 235 930 612	10 186 122 407	40.77%
<i>Lợi nhuận khác/ Other profits</i>	105 438 264	9 780 515	-90.72%
<i>Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax</i>	7 341 368 876	10 081 081 791	37.32%

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/ %
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	6 087 692 789	8 318 739 893	36.65%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	15.00%	7.00%	-53.33%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2017/ Year 2017	Năm 2018/ Year 2018	Ghi chú/Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,0051	1,0530	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories Short term Debt</i>	0,76	0,69	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,92	0,88	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	11,22	7,24	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:	8,40	6,83	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	6,11	6,66	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	1,83	2,12	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,0054	0,0084	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở	0,12	0,15	

06.
TY
DUQ
ARC
1 TH

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm 2017/ Year 2017	Năm 2018/ Year 2018	Ghi chú/Note
hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,0064	0,0103	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2018	31/12/2018	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần:	Cổ phần	3.000.000	6.598.367	
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Cổ phần	2.995.400	3.993.767	
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	Cổ phần	4.600	2.604.600	
	Cổ phiếu quỹ	Thành viên	4.600	4.600	
	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm			2.600.000	

b. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu Đầu năm 2018	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2018	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	%	50,96	42,82	
2	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	%	49,04	57,18	
3	Cổ đông tổ chức	%	48,62	11,13%	
4	Cổ đông cá nhân	%	51,38	88,87	
5	Cổ đông trong nước		99,8666	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài		0,1333	0,08	



TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu Đầu năm 2018	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2018	Ghi chú
7	Cổ đông Nhà nước		0%	0%	
8	Cổ đông khác				

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v:

- ✚ Tăng Vốn Điều lệ từ phát hành cổ phiếu thưởng _Nguồn Vốn Chủ sở hữu: 1.000.000 cổ phiếu
- ✚ Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu của các cổ đông CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l sáp nhập vào CTCP dược Medipharco: 2.600.000 cổ phiếu

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:

- ✚ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4.600 cổ phiếu
- ✚ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!

e. Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có!

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất : 29.272 kg
- Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất : 1.900 cái

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization: Không có tái chế!*

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- ✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 110 kw

✓ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 20 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số lượng nước đã sử dụng:

✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 360 M3

✓ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 800M3

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

✚ Số lao động trung bình trong năm 2018: 98 người

✚ Mức lương và thu nhập trung bình 2018: 7,2 triệu đồng/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

✚ Xây dựng & Ban hành & Sửa đổi Bộ quy chế doanh nghiệp để xác định quyền hạn- nghĩa vụ- quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể; Nội quy lao động; Quy chế Lương; Quy chế dân chủ;

✚ Kí kết hợp đồng lao động và thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn... theo đúng quy định hiện hành

✚ Áp dụng & ban hành chế độ bồi dưỡng độc hại; Thực hiện các quy định liên quan An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Khám sức khỏe định kì

✚ Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo NQ ĐHCĐTN hàng năm để chi cho các hoạt động văn thể mỹ, hiếu hỉ, nghỉ dưỡng, thưởng các cá nhân có đóng góp xây dựng & phát triển doanh nghiệp....

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 1.200 giờ/năm

1014

NG
HÂN
JIPY

T.TH

⚡ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

- Đào tạo ban đầu về Hồ sơ tổng thể, nội quy quy định, GMP Công ty cho các nhân viên mới tuyển dụng
- Đào tạo kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất tại các xưởng .
- Đào tạo tại các nội dung: GPs, đào tạo phần mềm quản lý mới cho nhân viên xuất-nhập, Kỹ năng quản trị, Phòng cháy chữa cháy. Gửi đi đào tạo về kiểm soát môi trường & vi sinh; tập huấn về Luật dược 2016 và Nghị định /Thông tư hướng dẫn Luật dược; tập huấn An toàn hóa chất.... Cho gần 300 lượt người

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Trẻ em mồ côi
- Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương Thủy theo phân công của UBND tỉnh
- Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A Lưới – TT Huế

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất năm 2018 (Tại công ty Con/Liên doanh):

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	So sánh %	
						6=5/3	7=5/4
	1	2	3	4	5		
I	Doanh Thu SX	Tr. đồng	172.141	198.000	96.840,7	56%	49%

Thực hiện kết quả kinh doanh năm 2018 (Medipharco):

TT	Diễn giải	Đ.V tính	TH năm 2017	KH 2018	TH 2018	So sánh
1	Tổng trị giá Mua vào	Tỷ đ	968,60	-	945,85	97,6%
2	Tổng giá trị bán ra	Tỷ đ	1.135,00	950,00	990,58	104%

⚡ **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện Năm 2018	So sánh thực hiện/KH
	1	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.135	950	990	104%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	7,341	10	10,081	100%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.253,6	1,53	1,76	
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:				0	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	6,087	8	8,318	104%

📌 Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Ban Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kì 3 (2015-2020).
- Tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu ổn định qua các năm. Tuy nhiên Doanh thu hàng hóa sản xuất năm 2018 tại Liên Doanh chỉ đạt 50 % kế hoạch năm
- Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 136%

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Thời gian	Tổng tài sản	Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn
Số đầu năm	618,799,566,705	560,766,151,030	58,033,415,675
Số cuối năm	466,613,521,772	423,036,302,802	43,577,218,970

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2018) là 186.558.313.785 trong đó nợ quá hạn chưa đòi là 158.685.434 chiếm 0,085%. Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 133.935.199

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tại thời điểm 31/12/2018, nợ ngắn hạn là 401.754.794.759 chiếm 98% tổng nợ phải trả; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn.

Thời gian	Nợ ngắn hạn	Phải trả người bán	Vay Ngân hàng
-----------	-------------	--------------------	---------------

Số đầu năm	557,897,149,585	229,722,688,405	317,628,750,129
Số cuối năm	401,754,794,759	86,111,146,516	307,079,073,594

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu, xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

a. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Tiếp tục Triển khai thực hiện phương án tổ chức cơ cấu lại nhân sự các ĐV trực thuộc theo hướng giảm nhân sự lao động gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp SX-KD ; Thực hiện khoán lao động tại các CN đúng với PA hợp tác cơ cấu lại Sản xuất- Kinh doanh như đã áp dụng 2017
- ❖ Xây dựng Chính sách bán hàng và các chương trình Khuyến mãi; Xây dựng và khoán Doanh số- Chi phí- Kế hoạch Tài chính tại từng đơn vị và toàn công ty
- ❖ Đã cơ cấu lại hệ thống bán hàng bao gồm: Nhân viên QL & NVTT& CTV bán hàng khoán theo từng khu vực, từng thị trường
- ❖ Trả đủ Lương cơ bản cho người lao động theo đăng kí BHXH; Thu nhập của người lao động ổn định.
- ❖ Tiếp tục bổ sung, sửa đổi Bộ Quy chế - Trong đó có Quy chế quản lý kinh tế tài chính, quy chế trả lương, thỏa ước lao động cho phù hợp các quy định hiện hành

b. Các biện pháp quản lý, kiểm soát:

- ❖ HĐQT điều hành quản lý công tác Tài chính theo các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.
 - Đã quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
 - Ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
 - Tiếp tục Chấn chỉnh- Kiểm tra việc thực hiện công tác báo cáo- kiểm tra định kì việc thực hiện các phương án kinh doanh- chính sách bán hàng ; Quy định chế độ thưởng- phạt- chế tài đối với khoán doanh số- Vốn bảo đảm và công nợ.
 - Tiến hành thuê hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2016 và Báo cáo tài chính hợp nhất đúng quy định



- Sử dụng phần mềm quản lý kinh tế tài chính- Hàng hóa Asian nối mạng toàn bộ các đơn vị trực thuộc để tăng cường công tác quản lý, giám sát, phân tích kịp thời hiệu quả hoạt động của từng Chi nhánh và hệ thống bán hàng trực thuộc, từng hoạt động sản xuất, kinh doanh, hợp tác, xuất nhập khẩu...

❖ Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX:

- Vốn điều lệ công ty sau phát hành cổ phiếu thường đã tăng lên 39,983 tỷ đồng, nhưng nguồn vốn chủ sở hữu so với nhu cầu SX-KD thì rất thấp! Vì vậy hoạt động của công ty trên 80% dựa vào vốn vay của Ngân hàng thương mại. Tuy khó khăn và thiếu vốn nhưng HĐQT đã có những quyết sách – và quan trọng nhất là giữ được chữ “Tín” với các Ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SX-KD.
- Tăng cường quản lý thu hồi công nợ, Xây dựng chế tài thưởng/ phạt đối với Công nợ để bảo toàn nguồn vốn kinh doanh không bị thất thoát

c. Thực hiện lợi ích của Cổ đông:

- Đã chi trả cổ tức 2017 sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên biểu quyết thông qua mức cổ tức 7% đúng quy định
- Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức

d. Công tác khác:

- Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban TGD & BCH công đoàn tổ chức đại hội người lao động năm 2018 và năm 2019 đúng quy định hướng dẫn;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- ✦ Tiếp tục thực hiện phương án cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh đã xây dựng từ năm 2017 và 2018 để đạt được mục đích:
 - Các đơn vị kinh doanh phát huy được tính tự chủ- linh hoạt - phát triển thị trường - tăng trưởng Doanh số đạt hiệu quả tối đa
 - Nâng cao năng lực sản xuất; Hạ chi phí đầu vào; Hạ Giá thành sản phẩm, đảm bảo cạnh tranh được với các sản phẩm hiện có trên thị trường.
 - Quản lý Kế toán, Quản trị tài chính, Quản lý - phân tích thị trường bán hàng, hạch toán chi phí đúng , rõ ràng , đánh giá được hiệu quả của từng bộ phận và từng hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Đạt Kết quả cuối cùng là:
 - + Đảm bảo Lương cho người lao động
 - + Đảm bảo Lợi nhuận cho công ty.
 - + Đảm bảo cổ tức cho cổ đông

00107
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM
HUE-1

+ Phát triển Doanh nghiệp bền vững

✚ Phát triển doanh thu xuất khẩu các sản phẩm đã được Cấp số đăng kí vào thị trường mới tại Myanmar, Philipin, Kenya

✚ Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2019:

TT	Diễn Giải	Đơn vị	TH 2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	990	900	
1	Doanh thu sản xuất	Tỷ đồng	96,94	180	
2	Doanh thu kinh doanh	Tỷ đồng	893,06	720	
II	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	16,98	<i>Theo Luật</i>	
III	Lợi nhuận:				
1	Trước thuế	Tỷ đồng	10,081	12,5	
2	Sau thuế	Tỷ đồng	8,318	10	
IV	Cổ tức	%	10%	<i>10%</i>	
V	Lao động theo định biên	Người	300	300	<i>Lao động thực tế kí HĐ: 205</i>
VI	Lương bình quân	Tr/ng/thá ng	6,2	≥ 2017	<i>Theo LĐ định biên</i>
VII	Thu nhập bình quân		7,2	≥ 2017	<i>Theo LĐ thực tế</i>

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):* Không có!

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.*

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):** Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

- Tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu ổn định qua các năm. Tuy nhiên Doanh thu hàng hóa sản xuất năm 2018 tại Liên Doanh chỉ đạt 50 % kế hoạch năm
- Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 136%
- Nộp Ngân sách theo đúng luật định

- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

- ↓ Ban tổng giám đốc đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ↓ Đã thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành
- ↓ Đã kiến nghị với HĐQT xây dựng cơ cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty. Đã tiến hành Bỏ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty(trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức) theo đúng quyền hạn đã quy định; Xây dựng và ban hành mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của mình.
- ↓ Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 9 tháng của năm 2018 và xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2019 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn. Mở Hội nghị người lao động để Triển khai kế hoạch năm sau sớm nhất có thể.
- ↓ Ban Tổng giám đốc đã thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ↓ Ban TGD đã thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động kí với người lao động.
- ↓ Ban Tổng giám đốc đã phối hợp tốt với Ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp xây dựng và thực hiện đúng Thỏa ước lao động, Nội quy lao động, Quy chế Lương, Quy chế quản lý kinh tế tài chính, Quy chế khen thưởng, kỉ luật... để bảo vệ lợi ích chính đáng, hài hòa của người lao động, lợi ích của cổ đông và của nhà nước
- ↓ Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và

S. C.
Y
ƯỢC
ARCI
TH

quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lí nhà nước theo đúng quy định hiện hành

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- ↓ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam ; Theo Mục tiêu và định hướng của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kì 3 (2015-2020) và ĐHCĐTN 2019
- ↓ Nghiên cứu lựa chọn phương án sản phẩm để tập trung đầu tư hoàn chỉnh , nâng cấp chất lượng Nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP-WHO (Up date)
- ↓ Xây dựng & củng cố Hệ thống mạng lưới kinh doanh phân phối trọng điểm tại Thành phố Hà nội- Hồ Chí Minh và tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phí; Đông nam Á...
- ↓ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc- mỹ phẩm- Thực phẩm chức năng , góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
- ↓ Xây dựng và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
- ↓ Kiện toàn và Thực hiện Quy chế Quản trị nội bộ của Doanh nghiệp

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác::

a- Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2018:

- ❖ Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III Công ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 04 thành viên trực tiếp điều hành công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TVHĐQT tại công ty khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1,29	0
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc phụ trách SX	2,4	Không

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TVHĐQT tại công ty khác
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	3,62	Không
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - TP.KDĐT	0,70	Không
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp)	15,17	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không phân tiểu ban mà phân công trực tiếp cho từng thành viên HĐQT!

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

⚡ **HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết.** HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kì và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lí hoạt động của công ty cổ phần.

⚡ **Cụ thể: 2018: Đã Ban hành Nghị quyết về:**

- ❖ Thông qua các nội dung liên quan tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
- ❖ Thông qua các báo cáo công bố thông tin; Thông báo kết quả kiểm toán BCTC 2017.
- ❖ Nghị quyết v/v Thưởng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Thư kí HĐQT
- ❖ Nghị quyết v/v Hội đồng quản trị thống nhất Bổ sung nhiệm vụ Phân công thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát từ 23/4/2018 sau khi ĐHĐCĐTN 2018 miễn nhiệm và bầu bổ sung TVHĐQT- Thành viên Ban KS
- ❖ Nghị quyết v/v Thoái vốn tại CTCP dược phẩm Tenamyd
- ❖ Nghị quyết v/v Chuyển nhượng một phần vốn góp của Medipharco tại CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l , giảm từ sở hữu 60% xuống 48% Vốn điều lệ của Liên doanh và CTCP dược Medipharco không còn là Công ty Mẹ của công ty Con (Liên doanh) theo Luật Doanh nghiệp
- ❖ Nghị quyết v/v Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để lấy ý kiến phê duyệt Phương án - Hợp đồng sáp nhập Cổ phiếu của CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco;
- ❖ Nghị quyết v/v phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu của các cổ đông CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l do sáp nhập vào CTCP dược Medipharco

- ❖ Nghị quyết v/v Phê duyệt thay đổi Giấy Đăng kí kinh doanh (Vốn Điều lệ, Ngành nghề Kinh doanh) sau khi sáp nhập Cổ phiếu của CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco
- ❖ Nghị quyết v/v Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch huy động vốn cá nhân có tổng giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty
- ❖ Nghị quyết v/v hạn mức vay và uỷ quyền cho CTHĐQT kiêm TGD được đại diện cho công ty ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, hợp đồng bảo lãnh và các giấy tờ giao dịch có liên quan tại Ngân hàng CPTM Ngoại thương Việt nam- CN Huế; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội chi nhánh Bắc Sài Gòn & CN Huế ; Ngân hàng Thương mại Đầu tư phát triển (Vietinbank) .
- ❖ Nghị quyết v/v phê duyệt Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 để trình ra ĐHCĐTN 2019

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do NĐ 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 04

- ✚ Phan Thị Minh Tâm
- ✚ Nguyễn Minh Ngọc
- ✚ Nguyễn Thị Kim Dung
- ✚ Tôn Thất Tâm

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 31/12/2018

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng ban Kiểm soát - Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	8,39
2	Ông: Trần Duy Minh	Thành viên BKS – Giám đốc chi nhánh Hfa nội	1,77
3	Ông: Nguyễn Văn Thế	Thành viên Ban KS – Giám đốc Chất lượng	0,25

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:



- Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty.
- Trên cơ sở nắm bắt tình hình thực tế, Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
- Được mời tham dự các cuộc họp HĐQT mở rộng

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

↳ Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	ĐVT: đồng VN	
			Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ 2017 (Chưa khấu trừ thuế TNCN)
1	Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	96 000 000	20 000 000
2	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT kiêm Thư kí	48 000 000	12 000 000
3	Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	48 000 000	12 000 000
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên HĐQT	48 000 000	12 000 000
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	32 000 000	0
6	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng BKS	36 000 000	10.000.000
7	Ông: Trần Duy Minh	Thành viên BKS	12 800 000	0
8	Ông: Nguyễn Văn Thế	Thành viên BKS	12 800 000	0
	Cộng		334 000 000	66 000 000

↳ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2018: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 541.734.000 đ, đã đã bao gồm lợi ích khác:

↳ Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 05

↳ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2018		Cuối năm 31/12/2018	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	64.054	2,13	85.403	1,29
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	43.788	1,46	158.382	2,4
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	29.347	0,98	239.128	3,62
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên	34.466	1,15	45.953	0,70
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	795	0,026	1.001.059	15,17

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Đến thời điểm 29/12/2018:

✚ Có 01 cổ đông nội bộ giao dịch mua thêm cổ phiếu. Cụ thể:

- Hoàng Ngọc Hoài Phong – Trưởng ban kiểm soát mua thêm 533.320 cổ phiếu

✚ Có 04 trường hợp cổ đông nội bộ tăng cổ phiếu sau sáp nhập do hoán đổi:

- Nguyễn Thị Kim Dung – TVHĐQT tăng 100.000 CP sau sáp nhập
- Nguyễn Minh Ngọc – TVHĐQT tăng 200.000 CP sau sáp nhập
- Nguyễn Văn Hoàng – TVHĐQT tăng 1.000.000 CP sau sáp nhập
- Trần Duy Minh – TVKS tăng 100.000 CP sau sáp nhập

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

✚ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

- Của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát: Không có!
- Giao dịch cổ phiếu của những người liên quan Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát : Không có!

✚ Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

- Kí hợp đồng , giao dịch huy động vốn cá nhân – trong đó có thành viên HĐQT- Ban TGD- Ban Kiểm soát có tổng giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

✚ **Hoạt động quản trị công ty:**

- ❖ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc: Thông qua:
 - Bộ quy chế hoạt động của công ty đã ban hành; Các bộ quy chế đã được bổ sung và ban hành lại từ 1/5/2015 và bổ sung các quy định liên quan hàng năm.
 - Ban hành Kế hoạch tổng thể và chi tiết từng nội dung kế hoạch năm 2018- làm cơ sở cho Ban TGD và các Hội đồng chuyên môn hoạt động và điều hành quản lí
 - Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT của Ban TGD
 - Kiểm tra việc thực hiện các quyết định ủy quyền của HĐQT đối với Tổng giám đốc trong lĩnh vực vay tín dụng và hợp đồng mua – bán
 - Kiểm tra giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018
- ❖ Tăng cường công tác Giám sát và Kiểm tra hoạt động của Ban TGD thông qua:
 - Báo cáo quyết toán tài chính từng quý và kế hoạch quý sau
 - Đánh giá – Phân tích Hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh- quản lí sử dụng vốn....
 - Tìm nguyên nhân tồn tại bất cập? Phân tích nguyên nhân khách quan? Chủ quan? Trách nhiệm liên quan của Tổng GD và Ban TGD?
 - Tìm phương án- giải pháp giải quyết tồn tại bất cập
 - Chỉ đạo – Phân công cụ thể từng thành viên trong Ban TGD phụ trách từng lĩnh vực chuyên môn
 - Thăm dò dư luận đánh giá hoạt động Ban TGD thông qua các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Dư luận cổ đông và người lao động trong đơn vị.
 - Xem xét, phê duyệt và ban hành các kế hoạch năm 2017 để Ban tổng giám đốc triển khai thực hiện.
- ❖ Hoạt động của các tiểu ban:
 - HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 5 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên
 - Năm 2018, sau khi bầu bổ sung thay thế TVHĐQT, HĐQT tiếp tục phân công và bổ sung thêm nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT đặc trách theo dõi các hoạt động điều hành của các tiểu ban - trong đó tăng cường Hoạt động Tư pháp (Cập nhật & Báo cáo& Đề xuất xử lí để thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của NN và Bộ Ngành liên quan)
 - Cụ thể:

TT	Nội dung/Tên Tiểu ban	TVHĐQT đặc trách	TVHĐQT phối hợp chính	TVHĐQT tham gia góp ý
1	Điều hành toàn bộ hoạt động HĐQT	CTHĐQT (DS Tâm)	Các TV	Các TV
2	Cơ cấu tổ chức, nội quy, quy chế quản lý nội bộ Công ty	CTHĐQT	DS Dung KS. Ngọc	TVHĐQT
3	Hoạt động Báo cáo- Quyết toán- Kiểm toán Tài chính; Quản lí Vốn	Ks. Ngọc	CN.Hoàng	TVHĐQT

TT	Nội dung/Tên Tiểu ban	TV HĐQT đặc trách	TV HĐQT phối hợp chính	TV HĐQT tham gia góp ý
4	Hoạt động Kinh doanh- XNK& Phát triển thị trường	CTHĐQT	A. Tâm CN.Hoàng	TVHĐQT
5	Hoạt động sản xuất	DS.Dung	A. Tâm	TVHĐQT
6	Hoạt động Quản lí Hệ thống chất lượng Sản xuất- Kinh doanh (GPs& HS& ATVSTP...)	DS.Dung	A. Tâm	TVHĐQT
7	Đầu tư và khoa học công nghệ	CTHĐQT	TVHĐQT	TVHĐQT
8	Quản lí phần vốn của TCTDVN-CTCP theo UQ	DS.Dung	DS.Tâm KS.Ngọc	
9	Quản lí cổ đông Giao dịch & Công bố thông tin Chứng khoán	DS.Dung	A. Ngọc, BKS(a. Phong)	TVHĐQT Cty chứng khoán!
10	Hoạt động Tư pháp (Cập nhật & Báo cáo& Đề xuất xử lí đề HĐQT chỉ đạo định hướng phát triển DN , thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của NN và Bộ Ngành liên quan)- Trong đó:			
a/	* Về Chứng khoán * Về lao động & BHXH	CTHĐQT	DS Dung	TVHĐQT
b/	*Về Luật Dược& NĐ& TT hướng dẫn Luật dược * Tiêu chuẩn liên quan GPs- GMP HS ATVSTP ISO	DS Dung	TVHĐQT	TVHĐQT
c/	* Về SX-KD chung	a. Tâm	TVHĐQT	TVHĐQT
d/	*Về Tài chính- Kế toán- Kiểm toán- Thuế- Ngân hàng	a. Ngọc	CN.Hoàng	TVHĐQT
10	Hợp tác đối tác chiến lược	CTHĐQT	CN.Hoàng a. Tâm	TVHĐQT
11	Quản lí giám sát Liên doanh theo quy định Mẹ/Con của Luật DN (cho đến khi thực hiện xong sáp nhập)	CTHĐQT	DS. Dung Ks. Ngọc	TVHĐQT
12	Các nội dung khác theo Điều lệ công ty	CTHĐQT	TVHĐQT	TVHĐQT

✦ **Kết quả Giám sát của HĐQT đối với hoạt động của công ty:**

- ✦ HĐQT điều hành quản lí công tác Tài chính theo các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.

- Đã quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
 - Ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
 - Tiếp tục Chấn chỉnh- Kiểm tra việc thực hiện công tác báo cáo- kiểm tra định kì việc thực hiện các phương án kinh doanh- chính sách bán hàng ; Quy định chế độ thưởng- phạt- chế tài đối với khoán doanh số- Vốn bảo đảm và công nợ.
 - Tiến hành thuê hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2017,2018 đúng quy định
 - Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo đúng tiến độ và quy định hiện hành
 - Cài đặt phần mềm quản lý kinh tế tài chính- Hàng hóa Asian nối mạng toàn bộ các đơn vị trực thuộc để tăng cường công tác quản lý, giám sát, phân tích kịp thời hiệu quả hoạt động của từng Chi nhánh và hệ thống bán hàng trực thuộc, từng hoạt động sản xuất, kinh doanh, hợp tác, xuất nhập khẩu...
- ❖ Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX:
- Vốn điều lệ công ty sau phát hành cổ phiếu thưởng từ vốn chủ sở hữu đã tăng lên là **39.983.670.000 VNĐ**, nhưng nguồn vốn chủ sở hữu so với nhu cầu SX-KD thì rất thấp! Vì vậy hoạt động của công ty trên 80% dựa vào vốn vay của Ngân hàng thương mại. Tuy khó khăn và thiếu vốn nhưng HĐQT đã có những quyết sách – và quan trọng nhất là giữ được chữ “Tín” với các Ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SX-KD.
 - Tăng cường quản lý thu hồi công nợ, Xây dựng chế tài thưởng/ phạt đối với Công nợ để bảo toàn nguồn vốn kinh doanh không bị thất thoát
- ❖ Công tác tổ chức - nhân sự - Đào tạo và xây dựng màng lưới kinh doanh: HĐQT đã ra các Nghị quyết làm cơ sở cho Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác:
- Triển khai thực hiện phương án tổ chức cơ cấu lại nhân sự các ĐV trực thuộc theo hướng giảm nhân sự lao động gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp SX-KD ; Thực hiện khoán lao động tại các CN đúng với PA hợp tác cơ cấu lại
 - Tập trung đầu tư Đào tạo nâng cao trình độ Quản lý cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ; Đào tạo chuyên môn kĩ thuật và các quy định về GPs; Đào tạo và áp dụng công nghệ thông tin trong Quản lý điều hành- Quản lý SX-KD; Đào tạo tập huấn bảo đảm An toàn vệ sinh lao động- Phòng cháy chữa cháy....theo luật định
 - Tiếp tục bổ sung hoàn thiện các Nội quy- quy chế hoạt động và Bộ quy chế của công ty.
- ❖ Kết quả hoạt động Sản xuất- Kinh doanh – Lợi nhuận 2018: Vượt chỉ tiêu Doanh thu (104%) và Lợi nhuận (104%)

↓ **Thực hiện lợi ích của Cổ đông:**

- Đã chi trả cổ tức 2017 sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên biểu quyết thông qua mức cổ tức 7% đúng quy định
- Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức

↓ **Công tác khác:**

- Hội đồng quản trị đã phối hợp với BCH đảng ủy, BCH công đoàn tiếp tục thực hiện: Quy chế dân chủ trong công ty cổ phần, Quy chế phối hợp hoạt động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy ước xây dựng cơ quan đạt chuẩn Văn hóa, tổ chức đại hội người lao động năm 2018 và năm 2019 đúng quy định hướng dẫn;
- Thực hiện các công tác xã hội tại cộng đồng địa phương như: tiếp tục hỗ trợ nuôi dưỡng Bà mẹ VNAH, góp quỹ vì người nghèo - quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ Vòng tay nhân ái cho bệnh nhân nghèo, Quỹ ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt ; Giúp đỡ xã nghèo Phú Sơn; Xây nhà tình nghĩa; Kết nghĩa đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- A Lưới....
- Hội đồng quản trị đã tạo mọi điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra giám sát mọi hoạt động của HDDQT và Cổ đông theo đúng quy định của Điều lệ.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Medipharco tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán ngày 19 tháng 03 năm 2018 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Vấn đề ngoại trừ năm trước đã được khắc phục trong năm nay.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

a. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2018:

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	990 583 233 741	1135 430 339 189

2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2 765 162 936	3 946 637 293
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	987 818 070 805	1131 483 701 896
4.	Giá vốn hàng bán	11	932 345 147 918	1076 186 088 532
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	55 472 922 887	55 297 613 364
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	16 681 510 931	1 430 096 337
7.	Chi phí tài chính	22	36 116 042 058	21 750 189 276
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	23 010 245 462	21 365 244 469
8.	Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	18 172 952 698	18 583 953 800
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7 679 316 655	9 157 636 013
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30	10 186 122 407	7 235 930 612
12.	Thu nhập khác	31	9 780 515	105 859 814
13.	Chi phí khác	32	114 821 131	421 550
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 105 040 616	105 438 264
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	10 081 081 791	7 341 368 876
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 762 341 898	1 253 676 087
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	8 318 739 893	6 087 692 789

b. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2018):

	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2018	01/01/2018
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	423,036,302,802	560,766,151,030
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	20,694,062,203	27,754,703,461
1.	Tiền	111	20,694,062,203	27,754,703,461
2.	Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10,544,579,547	10,000,000,000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10,544,579,547	10,000,000,000

III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	242,181,070,517	387,662,301,420
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	186,558,313,785	384,084,748,028
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	55,265,844,190	3,113,605,887
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	490,847,741	597,882,704
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(133,935,199)	(133,935,199)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	144,996,798,233	135,105,670,093
1.	Hàng tồn kho	141	144,996,798,233	135,105,670,093
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	4,619,792,302	243,476,056
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	254,886,790	167,654,090
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	4,283,958,538	9,896,334
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	80,946,974	65,925,632
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	43,577,218,970	58,033,415,675
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II.	Tài sản cố định	220	19,577,218,970	22,033,415,675
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	19,577,218,970	22,033,415,675
	- Nguyên giá	222	41,274,425,014	40,986,447,741
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(21,697,206,044)	(18,953,032,066)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
	- Nguyên giá	225	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	-	-
	- Nguyên giá	228	517,186,800	517,186,800
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(517,186,800)	(517,186,800)
III.	Bất động sản đầu tư	230	-	-
	- Nguyên giá	231	-	-

	- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
1.	Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241	-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	24,000,000,000	36,000,000,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	30,000,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	24,000,000,000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	6,000,000,000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	466,613,521,772	618,799,566,705
	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2018	01/01/2018
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	409,962,707,939	568,150,062,765
I.	Nợ ngắn hạn	310	401,754,794,759	557,897,149,585
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	86,111,146,516	229,722,688,405
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1,881,308,142	1,821,234,875
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1,115,461,110	1,043,373,003
4.	Phải trả người lao động	314	2,361,297,241	2,996,111,687
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1,967,755,662	2,434,829,849
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	544,769,782	817,326,193
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	555,285,480	276,959,896
0.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	307,079,073,594	317,628,750,129
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	138,697,232	1,155,875,548
3.	Quỹ bình ổn giá	323	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II.	Nợ dài hạn	330	8,207,913,180	10,252,913,180
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-

7.	Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	8,207,913,180	10,252,913,180
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	56,650,813,833	50,649,503,940
I.	Vốn chủ sở hữu	410	56,650,813,833	50,649,503,940
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	39,983,670,000	30,000,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	39,983,670,000	30,000,000,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	4,000,000	4,000,000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	1,477,728,123	11,461,398,123
5.	Cổ phiếu quỹ	415	(92,000,000)	(92,000,000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	531,833,143	293,763,143
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
0.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	3,029,149,885	2,894,649,885
1.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11,716,432,682	6,087,692,789
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	3,397,692,789	-
	LNST chưa phân phối năm nay	421b	8,318,739,893	6,087,692,789
2.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
1.	Nguồn kinh phí	431	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	466,613,521,772	618,799,566,705

Huế, ngày 15 tháng 3 năm 2019
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi gửi

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GD&ĐT Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty



ĐS. PHAN THỊ MINH TÂM